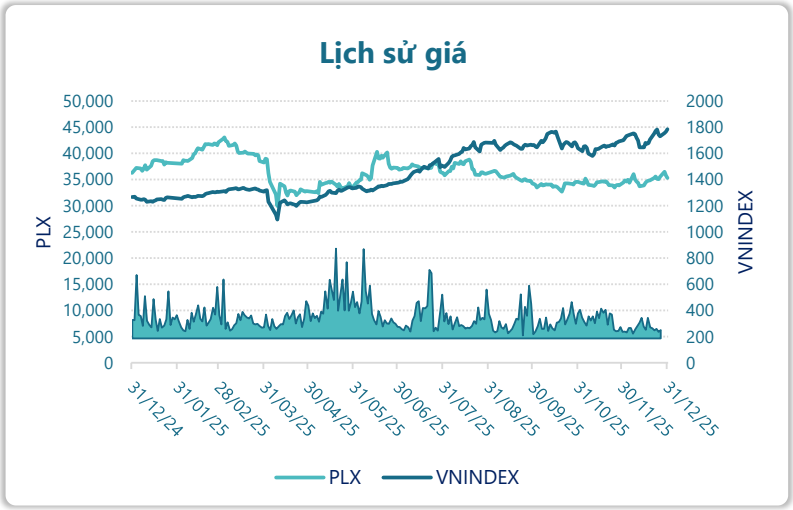
FireAnt

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (HSX: PLX)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	43,057
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	29,946
SL cổ phiếu LH	1,270,592,235
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,892,130
% sở hữu nước ngoài	15.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	44,852
P/E	16.6
EPS	2,122

DT thuần

Q4/25

81,893

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1,738| -2.1%

YoY: ▲ 10,855| 15.3%

LN sau thuế

Q4/25

697

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.00| -1.3%

YoY: ▲ 85.0| 13.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

1.5%

+/- YoY: ▼ 0.1%

DT thuần

2025

309,924

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25,896| 9.1%

LN sau thuế

2025

3,038

tỷ VNĐ

YoY: ▼125| -4.0%

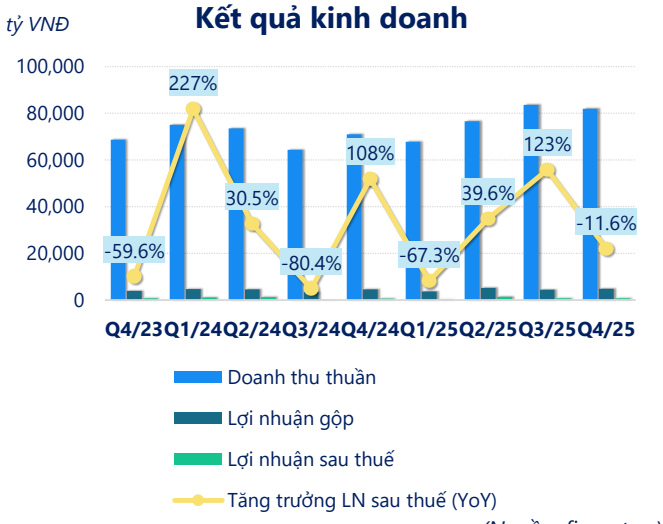
ROE

2025

9.2%

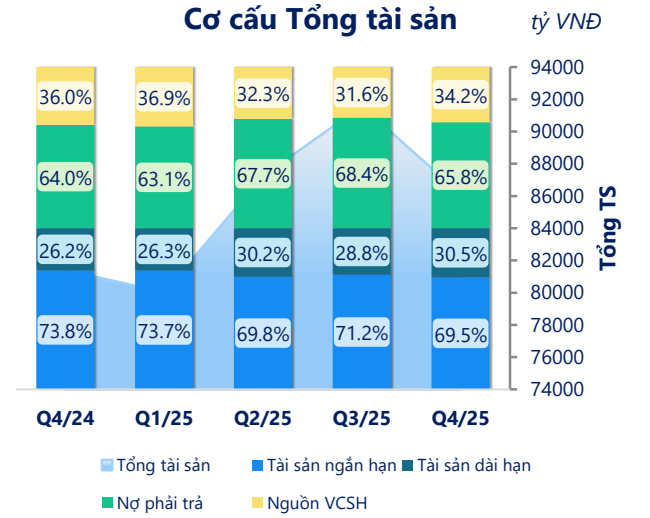
+/- YoY: ▼ 0.7%

Kết quả kinh doanh



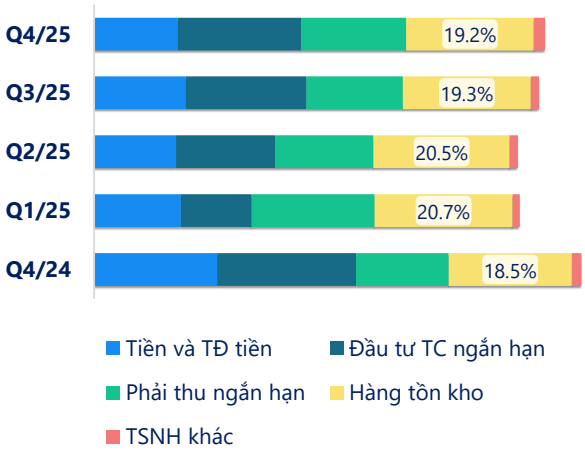
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



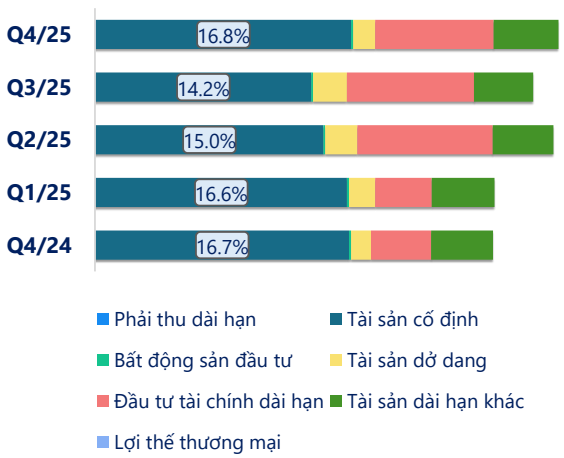
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



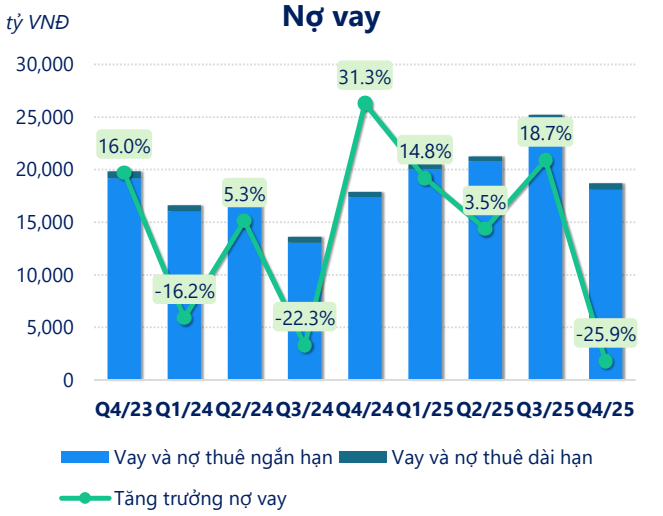
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



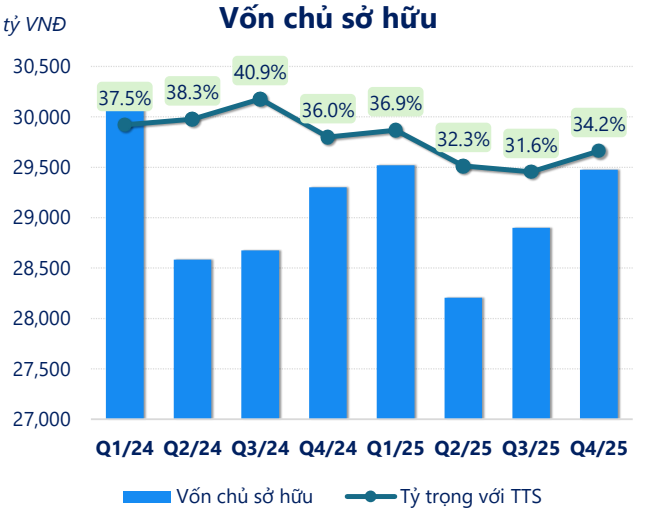
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



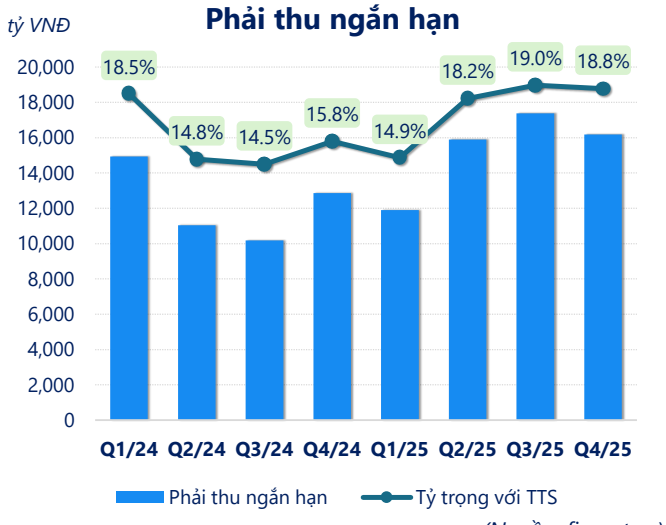
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



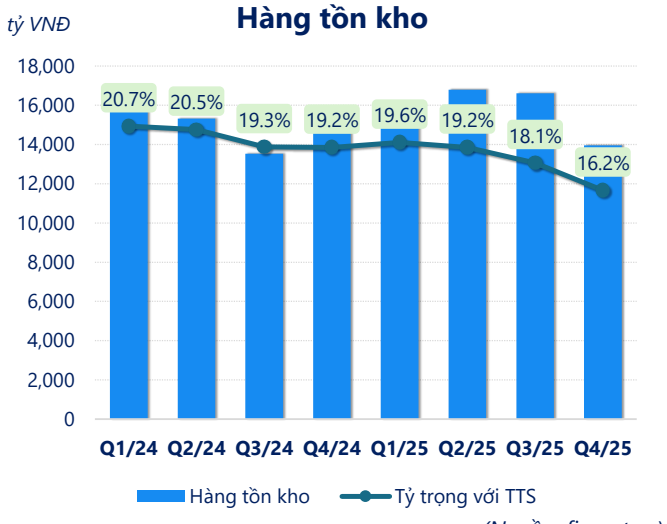
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



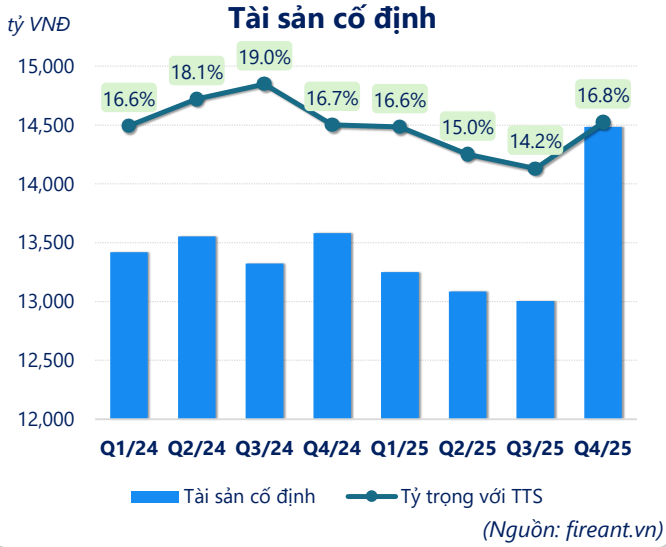
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



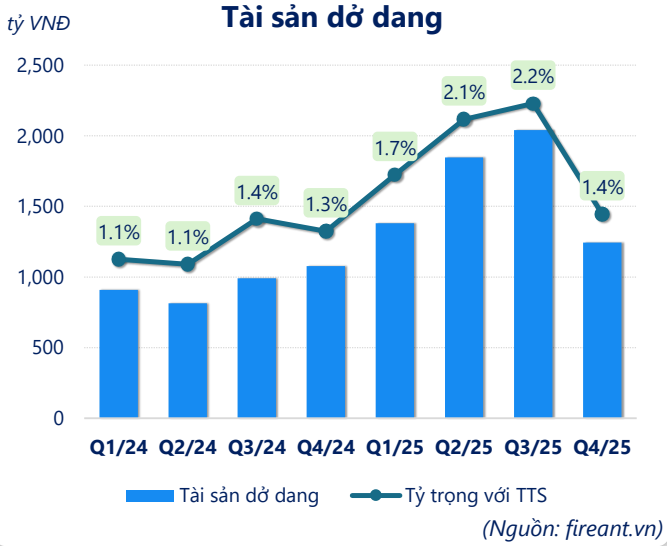
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



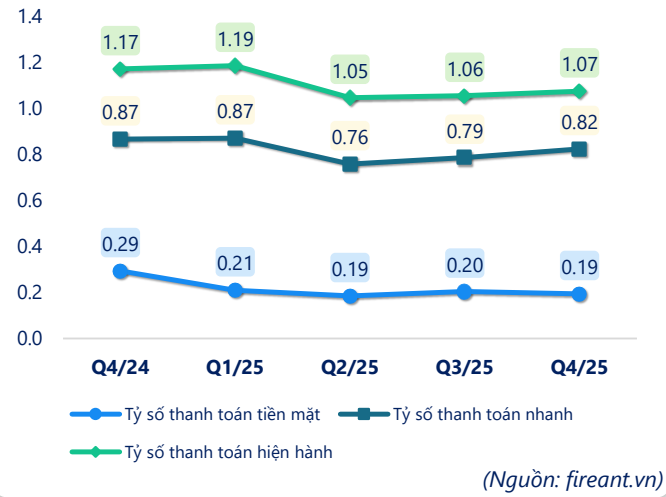
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



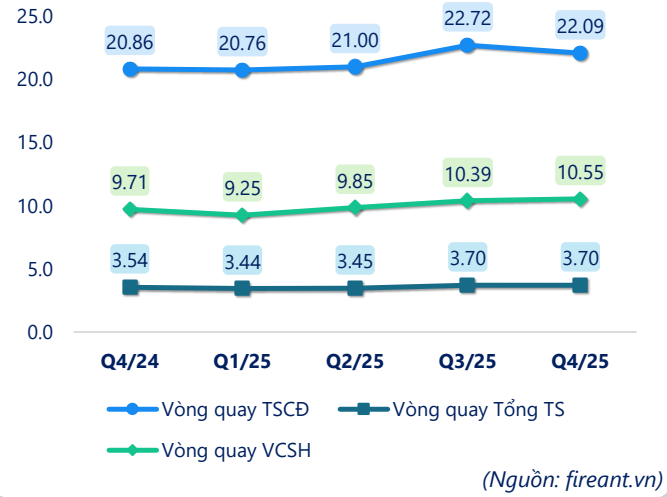
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**81,408**	**80,036**	**87,249**	**91,575**	**86,117**
Tài sản ngắn hạn	**60,085**	**58,987**	**60,927**	**65,162**	**59,846**
Tiền và tương đương tiền	15,062	10,447	10,771	12,617	10,803
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15,144	20,016	16,235	17,588	17,727
Phải thu ngắn hạn	12,855	11,896	15,898	17,374	16,175
Hàng tồn kho	15,659	15,677	16,789	16,617	13,948
Tài sản ngắn hạn khác	1,365	950	1,234	966	1,193
Tài sản dài hạn	**21,323**	**21,049**	**26,323**	**26,413**	**26,270**
Phải thu dài hạn	30.1	31.1	31.2	31.3	40.5
Tài sản cố định	13,581	13,249	13,087	13,005	14,484
Bất động sản đầu tư	105	107	106	104	116
Tài sản dở dang	1,078	1,380	1,847	2,041	1,245
Đầu tư tài chính dài hạn	3,211	2,973	7,772	7,668	6,717
Tài sản dài hạn khác	3,318	3,308	3,480	3,564	3,669
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**52,106**	**50,516**	**59,044**	**62,675**	**56,640**
Nợ ngắn hạn	**51,290**	**49,732**	**58,198**	**61,730**	**55,680**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17,383	20,055	20,799	24,663	18,075
Phải trả người bán ngắn hạn	25,384	21,982	27,827	27,749	28,063
Nợ dài hạn	816	784	847	945	960
Vay và nợ thuê dài hạn	489	464	443	554	619
Nguồn vốn chủ sở hữu	**29,302**	**29,520**	**28,205**	**28,900**	**29,476**
Vốn chủ sở hữu	**29,302**	**29,520**	**28,205**	**28,900**	**29,476**
Vốn điều lệ	12,939	12,939	12,939	12,939	12,939
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)